

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 109/2025/DS-ST
Ngày: 08-5-2025
“V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thúy Hồng

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Võ Thị Kiều Loan
- Bà Nguyễn Thị Rạt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Kiều Thị Tùng Khương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 1332/2024/TLST-DS, ngày 23 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 167/2025/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trương Văn H, sinh năm 1977

Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1970

Địa chỉ: Khu phố A, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

(Văn bản ủy quyền ngày 02/12/2024)

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thu H1, sinh năm 1978

Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Huỳnh Thị K, sinh năm 1978

Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02/12/2024, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Trương Văn H và người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Văn T trình bày:

Vợ ông H là bà Huỳnh Thị Kiều . Hiện hôn nhân ông bà vẫn còn tồn tại.

Nguyên vào năm 2022, ông H có cho bà Nguyễn Thị Thu H1 vay tiền để làm ăn, cụ thể như sau:

- Ngày 07/8/2022, ông H có cho bà H1 vay số tiền là 30.000.000 đồng, hai bên có làm Hợp đồng mượn tiền bà H1 có ký tên và điểm chỉ tay xác nhận vào giấy mượn tiền (kể từ ngày 07/8/2022 đến ngày 07/9/2022).

- Ngày 11/8/2022, bà H1 tiếp tục vay ông H số tiền là 20.000.000 đồng, hai bên có làm Hợp đồng mượn tiền bà H1 có ký tên và điểm chỉ tay xác nhận vào giấy mượn tiền, bà H1 hẹn ông H trong vòng một tháng sẽ trả tiền lại cho ông H (kể từ ngày 11/8/2022 đến ngày 11/9/2022).

Tổng cộng ông H đã cho bà H1 vay số tiền là 50.000.000 đồng, đến ngày hẹn bà H1 không chịu trả tiền cho ông H, ông H nhờ trưởng ấp mời bà H1 ra nói chuyện thì bà H1 xin trả tiền cho ông H theo hình thức góp mỗi tháng.

Từ ngày 11/11/2023 cho đến ngày 15/9/2024, bà H1 đã trả cho ông H với số tiền là 21.000.000 đồng, như vậy, bà H1 còn thiếu ông H số tiền là 29.000.000 đồng. Sau đó, ông H đến nhà bà H1 yêu cầu bà H1 trả số tiền còn lại cho ông H nhưng bà H1 cứ hẹn lần hẹn lượt, né tránh không chịu trả tiền cho ông H.

Tại đơn khởi kiện ông H khởi kiện yêu cầu: Buộc bà Nguyễn Thị Thu H1 phải trả cho ông tổng số tiền vay là 29.000.000 đồng, tính lãi theo lãi suất Ngân hàng N là 12%/năm, tạm tính từ ngày 11/9/2022 đến ngày 29/11/2024 với số tiền lãi là 7.540.000 đồng. Tổng số tiền gốc và tiền lãi là 36.540.000 đồng, yêu cầu bà H1 trả tiền cho bà một lần duy nhất ngay khi Quyết định hoặc Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Nay ông H xác định ông H chỉ yêu cầu bà Nguyễn Thị Thu H1 trả cho ông tổng số tiền vay là 29.000.000 đồng, ông H xin rút lại yêu cầu tính lãi.

Ông H chỉ yêu cầu cá nhân bà H1 có nghĩa vụ hoàn trả số tiền trên cho ông, ông không yêu cầu các thành viên khác trong gia đình bà H1 phải trả tiền cho ông. Ngoài ra, nguyên đơn không có ý kiến và yêu cầu gì khác.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H1 trình bày:

Bà có chồng nhưng hiện chồng bà đã chết.

Ngày 07/8/2022, bà có vay của ông Trương Văn H số tiền 30.000.000 đồng, khi vay có ký Hợp đồng mượn tiền cùng ngày 07/8/2022, thời hạn hai bên thỏa thuận theo hợp đồng là từ ngày 07/8/2022 đến ngày 07/9/2022, khi vay bà không có thể chấp tài sản gì. Chữ ký và dấu lăn tay tại mục người mượn tiền trong hợp đồng mượn tiền ngày 07/8/2022 là của bà.

Sau đó, đến ngày 11/8/2022, bà có vay thêm của ông Trương Văn H số tiền 20.000.000đồng, khi vay có ký Hợp đồng mượn tiền cùng ngày 11/8/2022, thời hạn vay hai bên thỏa thuận theo hợp đồng là từ ngày 11/8/2022 đến ngày 11/9/2022, khi vay bà không có thể chấp tài sản gì. Chữ ký và dấu lấn tay tại mục người mượn tiền trong hợp đồng mượn tiền ngày 11/8/2022 là của bà.

Theo 02 hợp đồng các bên không ghi nhận lãi suất nhưng thực tế bà có trả lãi cho ông H với mức lãi suất 1.000.000đồng thì một tháng tiền lãi 100.000đồng. Bà vay tổng cộng 50.000.000đồng nên mỗi tháng bà trả cho ông H số tiền lãi là 5.000.000đồng. Bà bắt đầu trả lãi từ tháng 9/2022 đến tháng hết 10/2023, mỗi tháng bà trả 5.000.000đồng tiền lãi cho khoản vay 50.000.000đồng trên. Khi trả lãi thì bà trả trực tiếp cho ông H chứ không làm biên nhận gì và cũng không có ai chứng kiến hay giấy tờ chứng minh. Đến tháng 11/2023, bà xin không trả lãi nữa thì ông H không chịu, bà không có đóng tiền lãi tháng 11/2023. Sau đó, do khó khăn quá nên bà xin không trả lãi nữa và xin trả tiền gốc cho khoản vay 50.000.000đồng, mỗi tháng trả 2.000.000đồng thì ông H đồng ý, từ tháng 12/2023 đến tháng 9/2024 bà trả gốc cho ông H với số tiền 2.000.000đồng/tháng, tổng cộng trả được 10 tháng với số tiền 20.000.000đồng, do gia đình khó khăn nên tháng 10/2024, bà chỉ đóng cho ông H số tiền gốc là 1.000.000đồng. Bắt đầu từ tháng 11/2024 đến nay do khó khăn quá nên bà không có trả thêm cho ông H bất kỳ số tiền nào.

Do bà ngưng trả tiền gốc nên trong tháng 11/2024, ông H có làm đơn yêu cầu Ban Q tiến hành giải quyết. Tại buổi hòa giải, bà xin mỗi tháng trả tiền gốc 1.000.000đồng đến khi hết số tiền nợ 29.000.000đồng nhưng ông H không đồng ý và khởi kiện ra Tòa án.

Nay bà thừa nhận còn nợ ông H số tiền gốc vay là 29.000.000đồng và đồng ý trả số tiền này. Do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên bà xin trả dần mỗi tháng 1.000.000đồng cho đến khi trả hết khoản nợ này.

Ngoài ra, bà không có ý kiến và yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị K trình bày:

Bà là vợ của ông H, quá trình giao kết và thực hiện hợp đồng giữa ông H và bà H1 bà không can thiệp vào, các bên tự giải quyết với nhau, bà để ông H được toàn quyền quyết định mọi vấn đề có liên quan, quyết định của ông H cũng là quyết định của bà, bà không có tranh chấp và yêu cầu gì trong vụ án này.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên lời trình bày, các bên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự và những người tham gia tố tụng trong vụ án chấp hành pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, các hợp đồng vay tiền, lời trình bày của các đương sự có trong hồ sơ vụ án cùng các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập thì có cơ sở xác định yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà H1 xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng nhưng không được ông H đồng ý. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H, buộc bà H1 phải hoàn trả cho ông H một lần số tiền còn nợ là 29.000.000 đồng. Ông H xin rút lại yêu cầu tính lãi nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Ông Trương Văn H khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Thu H1 phải trả cho ông số tiền còn nợ theo các hợp đồng vay tài sản giữa các bên là 29.000.000 đồng. Do tranh chấp giữa các cá nhân, bị đơn là bà Nguyễn Thị Thu H1 có địa chỉ tại ấp H, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An nên quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, Tòa án thụ lý vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự có mặt của đương sự: Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng có đơn xin giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về thời hiệu khởi kiện: Các bên đương sự không yêu cầu áp dụng về thời hiệu nên căn cứ quy định tại Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử không áp dụng thời hiệu.

[1.4] Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn xác định rút lại yêu cầu tính lãi từ ngày 11/9/2022 đến ngày 29/11/2024 theo mức lãi suất là 12%/năm với số tiền lãi là 7.540.000 đồng, nhận thấy việc nguyên đơn xin rút lại yêu cầu tính lãi là hoàn toàn tự nguyện nên căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Các đương sự thống nhất giữa ông H và bà H1 đã xác lập giao dịch dân sự là hợp đồng vay tài sản, bà Nguyễn Thị Thu H1 có vay số tiền 30.000.000 đồng theo Hợp đồng mượn tiền ngày 07/8/2022 và 20.000.000 đồng theo Hợp đồng mượn tiền ngày 11/8/2022. Hiện bà H1 còn nợ ông H số tiền gốc vay là 29.000.000 đồng, những tình tiết, sự kiện này được các bên thống nhất và thừa nhận nên không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.2] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu ông H về việc trả số tiền gốc vay 29.000.000đồng, thấy rằng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, các đương sự đều thống nhất bà H1 còn nợ của ông H số tiền gốc vay là 29.000.000đồng theo các Hợp đồng mượn tiền ngày 07/8/2022 và Hợp đồng mượn tiền ngày 11/8/2022 mà các bên đã ký kết nên có đủ căn cứ để xác định số tiền vay bà H1 còn nợ ông H là 29.000.000đồng nên yêu cầu khởi kiện của ông H là có cơ sở. Ông H chỉ yêu cầu cá nhân bà H1 có nghĩa vụ trả số tiền trên cho ông H, không yêu cầu các thành viên khác trong gia đình bà H1 phải trả tiền cho ông H. Căn cứ Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là quyền tự định đoạt của đương sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc H1 phải trả cho ông H số tiền 29.000.000đồng.

[2.3] Về thời hạn thanh toán: Do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên bà H1 xin được trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ nhưng yêu cầu này của bà H1 không được ông H đồng ý nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn ông Trương Văn H.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 5, Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 271, Điều 273, Điều 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 của Bộ luật Dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trương Văn H về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” với bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H1.

1. Buộc bà Nguyễn Thị Thu H1 phải trả cho ông Trương Văn H số tiền vay còn nợ là 29.000.000đồng (hai mươi chín triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Đình chỉ xét xử yêu cầu tính lãi của nguyên đơn ông Trương Văn H từ ngày 11/9/2022 đến ngày 29/11/2024 theo mức lãi suất là 12%/năm với số tiền là 7.540.000 đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Nguyễn Thị Thu H1 phải chịu 1.450.000đồng (một triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Trương Văn H số tiền 913.000đồng (chín trăm mười ba nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004137 ngày 19/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- CC THA huyện Đức Hòa;
- Các đương sự.
- Lưu HS, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Phan Thị Thúy Hồng

